

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI: “Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Mexico trong tháng 11/2024”

THUỘC NHIỆM VỤ

“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai hiệp định CPTPP năm 2024”

Hà Nội, 2024

TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI NỘI BẬT CỦA THỊ TRƯỜNG MEXICO

Tình hình thương mại của thị trường

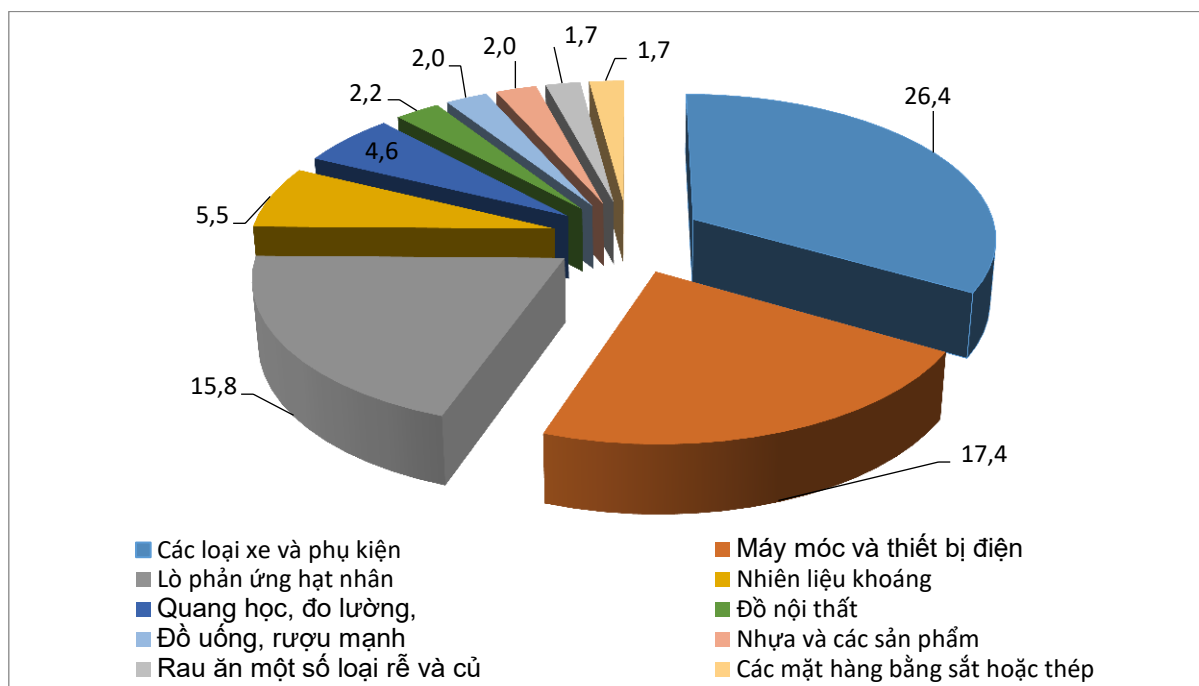
- Về xuất khẩu

Năm 2023, đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu (XK) của Mexico là nhóm (Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng) đạt 156,46 tỷ USD tăng 15% so năm 2022; tiếp theo là nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...) đạt 103,4 tỷ USD tăng 6,2% so năm 2022; Nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .) giảm mạnh nhất, giảm 13,5% đạt 32,59 tỷ USD.

Cũng trong năm 2023 tổng kim ngạch xuất khẩu (XK) hàng hóa của Mexico đạt 592,99 tỷ USD giảm 2,6% so với năm 2022; Đứng đầu về kim ngạch XK là nhóm sản phẩm (Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng...) đạt 156,46 tỷ USD tăng 15% so năm 2022; tiếp theo là nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...) đạt 103,4 tỷ USD tăng 6,2% so năm 2022; Nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .) giảm mạnh nhất, giảm 13,5% đạt 32,59 tỷ USD.

Biểu đồ 1: Top 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Mexico năm 2023

(Đơn vị tính: Tỷ trọng %)



Nguồn: Trademap

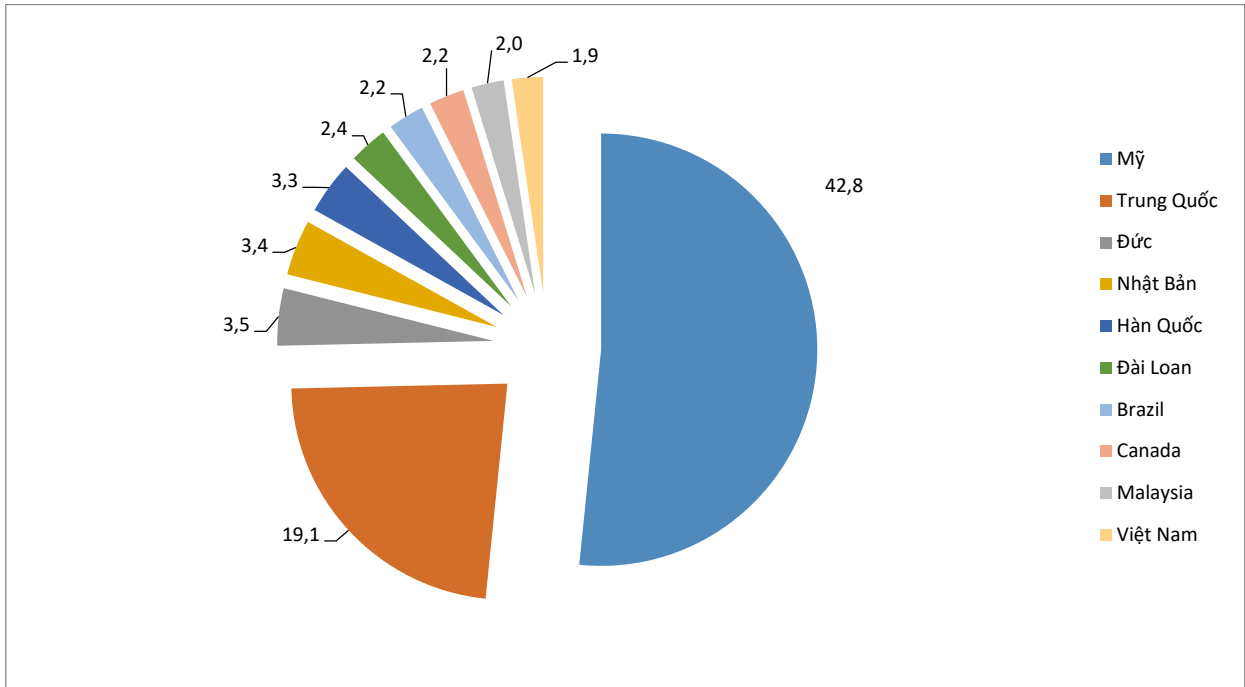
- Về nhập khẩu

Năm 2023 Mexico nhập khẩu (NK) chủ yếu các mặt hàng như; nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...) đạt 121,33 tỷ USD, tăng 3,46% so năm 2022, chiếm tỷ trọng 20,3% giá trị nhập khẩu; nhóm (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng...) đạt 95,71 tỷ USD tăng 1,59% so năm 2022, chiếm 16% tỷ trọng; nhóm (Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng...) đạt 61,27 tỷ USD tăng 26,9% so năm 2022, chiếm 10,2% tỷ trọng; tiếp đến là nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .) đạt 43,24 tỷ USD giảm đến 31,25% so năm 2022 và chiếm 7,2% tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu.

Cũng trong năm 2023 tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Mexico đạt 598,47 tỷ USD giảm 1,02% so với năm 2022.

Biểu đồ 2: Top 10 nguồn cung lớn nhất của Mexico trong năm 2023

(Đơn vị tính: tỷ trọng %)



Nguồn: Trademap

Theo số liệu từ Trademap trong năm 2023, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Mexico nhiều nhất là Mỹ chiếm 255,93 tỷ USD giảm 3,57% so với năm 2022; Trung Quốc chiếm 114,18 tỷ USD giảm 3,8%; Đức 21,23 triệu USD tăng 15,1%; Tiếp đến là Nhật Bản chiếm 20,61 triệu USD tăng 12,73% so với năm 2022.

Năm 2023 Mexico nhập khẩu từ thế giới và Việt nam một số mặt hàng chủ yếu như;

- Nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...) đạt 121,33 tỷ USD tăng 3,46%.

- Nhóm (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng...) đạt 95,71 triệu USD tăng 1,59%.

- Nhóm (Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng ...) đạt 61,27% tăng 26,9%.

Trong số nhóm hàng nhập khẩu trong năm 2023 có nhóm có nhóm (Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng...)

tăng mạnh nhất, tăng 26,9% và giảm mạnh nhất là nhóm (Phân bón . . .) giảm tới 30,0%.

Bảng 1: Một số mặt hàng Mexico nhập khẩu nhiều từ Việt Nam và thế giới năm 2023

(ĐVT: Tỷ USD)

Mã HS	Mặt hàng	Mexico nhập khẩu từ Việt Nam		Mexico nhập khẩu từ thế giới		Thị phần hàng hoá của Việt Nam tại Mexico (%)
		Năm 2023	So với năm 2022 (%)	Năm 2023	So với năm 2022 (%)	
Tổng cộng:		11.582.346	12,21	598.475.395	-1,02	1,94
'85	Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...	5.961.860	27,42	121.332.090	3,46	4,91
'84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	1.440.800	-11,96	95.719.328	1,59	1,51
'72	Sắt và thép	755.527	96,34	21.547.093	3,48	3,51
'64	Giày dép, xà cạp và các loại tương tự; các bộ phận của các mặt hàng như vậy	505.455	5,82	1.888.935	5,52	26,76
'99	Hàng hóa không được chỉ định ở nơi khác	398.935	-26,99	25.854.743	5,61	1,54
'90	Quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, độ chính xác, y tế hoặc phẫu	374.665	-23,71	16.479.859	-12,06	2,27

	thuật . . .					
'95	Đồ chơi, trò chơi và đồ dùng thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng	303.491	-1,66	3.049.032	-6,59	9,95
'61	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, đan hoặc móc	303.114	-7,75	3.636.849	4,80	8,33
'62	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, không đan hoặc móc	245.718	19,77	2.614.794	12,21	9,40
'87	Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng	219.198	14,63	61.274.620	26,90	0,36
'76	Nhôm và các sản phẩm từ nhôm	134.375	-16,48	9.496.241	-18,42	1,42
'39	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	119.134	-2,70	30.714.898	-6,13	0,39
'73	Các mặt hàng bằng sắt hoặc thép	101.965	-17,02	13.100.966	2,84	0,78
'40	Cao su và các sản phẩm từ cao su	99.035	29,49	8.922.866	1,39	1,11
'94	Đồ nội thất; bộ đồ giường, nệm, giá đỡ nệm, đệm và các đồ nội thất nhồi tương tự; . . .	98.756	0,07	4.404.247	-4,51	2,24
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống dưới nước khác	93.505	-30,30	820.935	-11,40	11,39
'42	Các mặt hàng bằng da; yên ngựa và dây cương; hàng hóa	61.170	28,53	1.156.619	1,38	5,29

	du lịch, túi xách và các đồ chứa tương tự; các mặt hàng . . .					
'09	Cà phê, trà, maté và gia vị	58.037	83,61	537.493	18,06	10,80
'54	Sợi nhân tạo; dải và các loại vật liệu dệt nhân tạo tương tự	47.215	37,47	1.236.706	-6,30	3,82
'83	Các mặt hàng khác nhau bằng kim loại cơ bản	27.110	-7,85	3.335.325	1,38	0,81
'96	Các mặt hàng sản xuất khác nhau	26.447	-16,15	1.211.049	-2,29	2,18
'08	Trái cây và hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dưa	24.417	102,63	1.624.607	7,74	1,50
'55	Sợi xơ nhân tạo	24.187	57,69	752.296	-13,57	3,22

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trademap

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG MEXICO TRONG THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2024

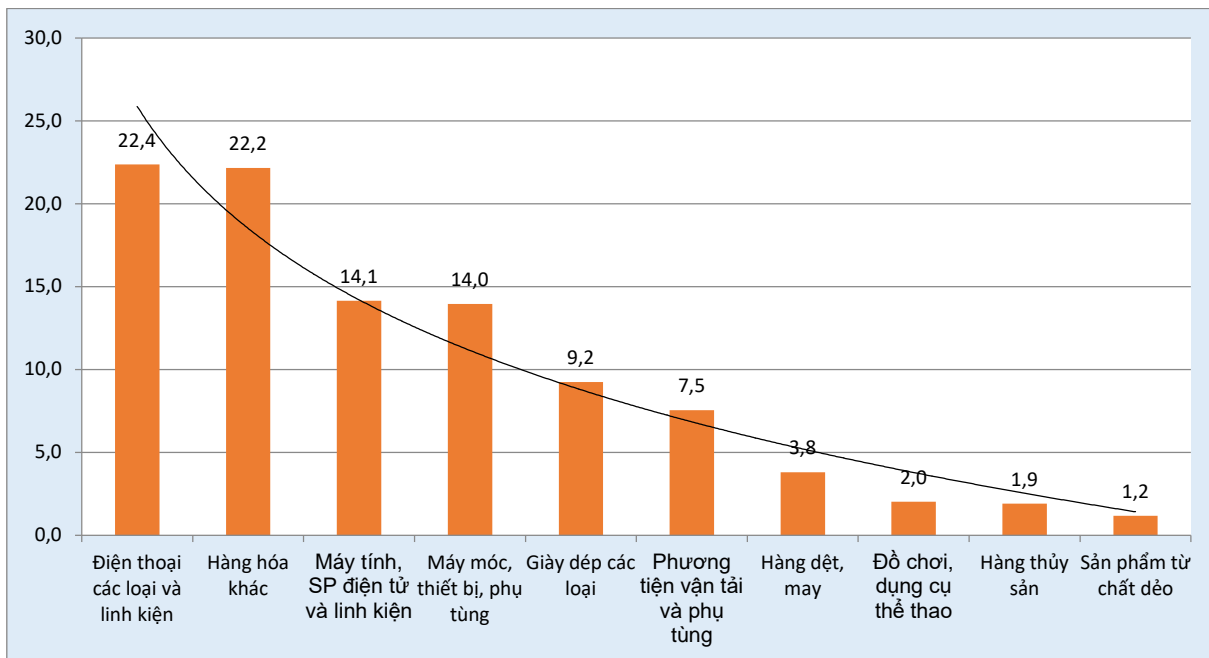
Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Mexico trong tháng 10/2024 đạt 482,8 triệu USD, tăng 14,7% so với tháng 9/2024 và tăng 33,4% so với cùng kỳ tháng 10/2023.

Tính chung trong 10 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Mexico đạt 4,56 tỷ USD, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 3: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang Mexico trong 10 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị tính: tỷ trọng %)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cũng trong 10 tháng đầu năm 2024, một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch cao của Việt Nam lần lượt là; (Điện thoại các loại và linh kiện...) đạt 1,02 tỷ USD tăng 23,3% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 22,4% kim ngạch xuất khẩu; Nhóm (Hàng hóa khác...) đạt 1,01 tỷ USD tăng 35,9% so cùng kỳ 2023, chiếm tỷ trọng 22,2%; tiếp đến tăng mạnh nhất là nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) đạt 645,92 triệu USD tăng 46,8% so cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 14,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Trong đó nhóm tăng mạnh nhất là nhóm (Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận...) tăng mạnh nhất là 71,7% so cùng kỳ năm 2023 và có tỉ trọng 2,0%; và nhóm giảm mạnh nhất là nhóm (Cà phê ...) giảm tới 90,7%, chiếm 0,2% tỷ trọng, nhìn chung hai nhóm này có kim ngạch XK không cao và chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng kim ngạch XK của Việt Nam sang Mexico.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Mexico trong tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị tính: Triệu USD)

Nhóm mặt hàng	Tháng 10/2024 (USD)	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 10 tháng đầu năm 2024 (%)
TỔNG GIÁ TRỊ	482.808	14,7	33,4	4.568.682	24,6	100
Điện thoại các loại và linh kiện	98.026	12,1	1,1	1.021.573	23,3	22,4
Hàng hóa khác	84.412	-29,3	61,0	1.012.219	35,9	22,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	78.229	64,7	95,0	645.930	46,8	14,1
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	62.441	14,9	-2,6	637.444	4,9	14,0
Giày dép các loại	64.160	104,6	58,6	422.231	23,0	9,2
Phương tiện vận tải và phụ tùng	43.050	17,6	66,8	344.768	27,0	7,5
Hàng dệt, may	15.593	3,5	-2,2	173.768	29,5	3,8
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	10.154	98,7	120,1	92.195	71,7	2,0
Hàng thủy sản	7.114	-16,3	-5,3	86.958	12,5	1,9
Sản phẩm từ chất dẻo	7.889	39,4	63,8	53.407	41,5	1,2
Gỗ và sản phẩm gỗ	6.325	36,3	19,4	39.043	31,4	0,9
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	2.943	33,3	-7,4	27.419	49,4	0,6
Cà phê	1.869	-34,1	1.243,3	7.199	-90,7	0,2
Cao su	601	48,7	3,9	4.528	23,2	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu

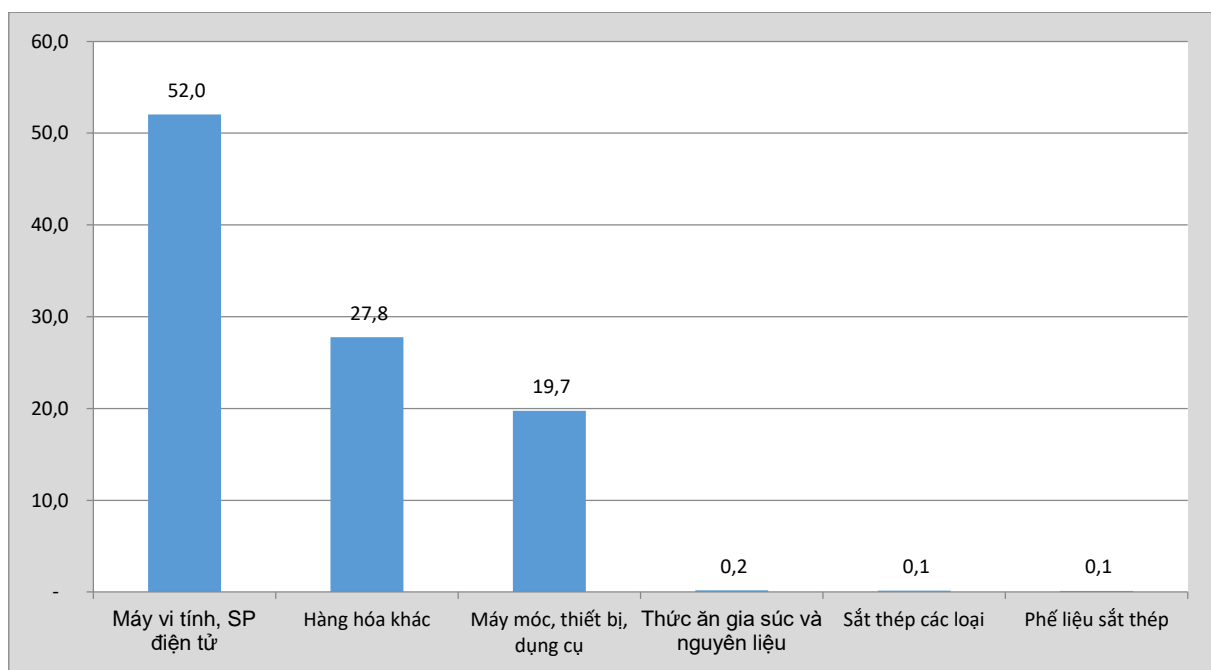
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Mexico trong tháng 10/2024 đạt 88,3 triệu USD, tăng 13,1% so với tháng 9/2024 và tăng 3,6% so cùng kỳ tháng 10/2023.

Tính chung trong 10 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Mexico đạt 779,21 triệu USD, tăng 13,2% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu cao như;

Nhóm; (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) đạt 405,4 triệu USD tăng 36,3%; Nhóm (Hàng hóa khác...) đạt 216,5 triệu USD giảm 17,2% so cùng kỳ năm 2023; Tiếp đến là nhóm (Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác...) đạt 153,8 triệu USD tăng 23,1% so cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 4: Mặt hàng nhập khẩu từ Mexico trong 10 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị tính: tỷ trọng%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tỷ trọng hàng hoá nhập khẩu trong cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2024 cao nhất là nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) chiếm 52,0% trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu; Nhóm (Hàng hóa khác...) chiếm

27,8%; Tiếp đến là nhóm (Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác...) chiếm 19,7% trong cơ cấu nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Mexico trong 10 tháng đầu năm 2024.

Trong đó nhóm tăng mạnh nhất là nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) tăng 36,3% so cùng kỳ năm 2023, và nhóm giảm mạnh nhất là nhóm (Phế liệu sắt thép...) giảm tới 65,9% so cùng kỳ năm 2023.

Bảng 3: Nhập khẩu hàng hóa từ Mexico trong tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị tính: Triệu USD)

Nhóm mặt hàng	Tháng 10/2024	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 10 tháng đầu năm 2024
TỔNG GIÁ TRỊ	88.347	13,1	3,6	779.215	13,2	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	48.946	11,0	27,0	405.416	36,3	52,0
Hàng hóa khác	21.402	2,5	-26,6	216.509	-17,2	27,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	17.575	35,3	0,4	153.844	23,1	19,7
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	302		371,4	1.377	35,6	0,2
Sắt thép các loại	-	-100,0		1.145	9,9	0,1
Phế liệu sắt thép	122	201,2		923	-65,9	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan